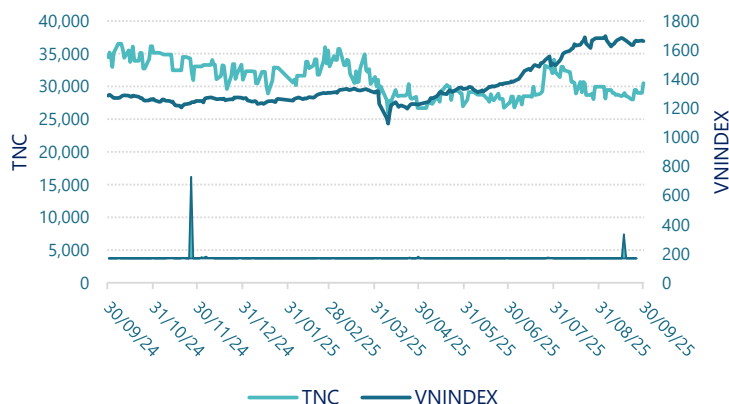


CTCP Cao su Thống Nhất (HSX: TNC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,535
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,960
SL cổ phiếu LH	19,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	800
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	587
P/E	10.4
EPS	2,935

DT thuần

Q3/25

50.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.2 | 109%

YoY: ▲ 10.8 | 27.4%

LN sau thuế

Q3/25

4.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 28.2 | -87.2%

YoY: ▼ 9.06 | -68.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.6%

+/- YoY: ▼ 29.5%

DT thuần

9T 2025

108

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00 | 7.1%

LN sau thuế

9T 2025

43.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.5 | 55.2%

ROE

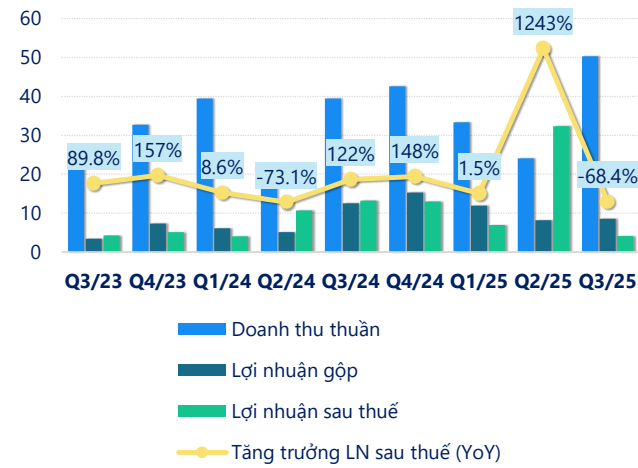
Q3/25

16.8%

+/- YoY: ▲ 6.7%

tỷ VNĐ

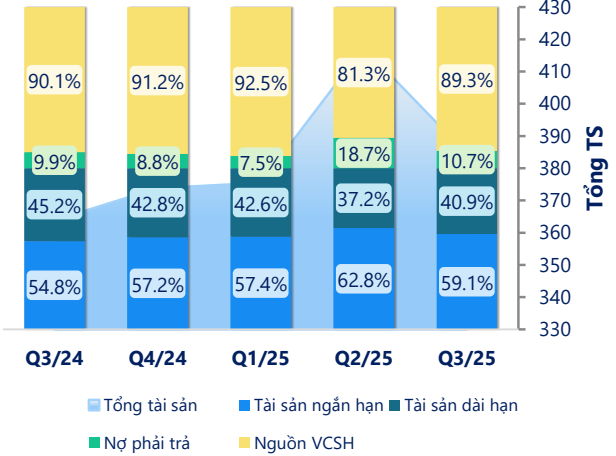
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

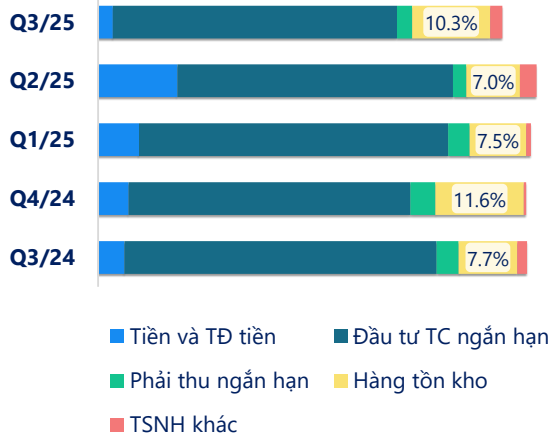
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



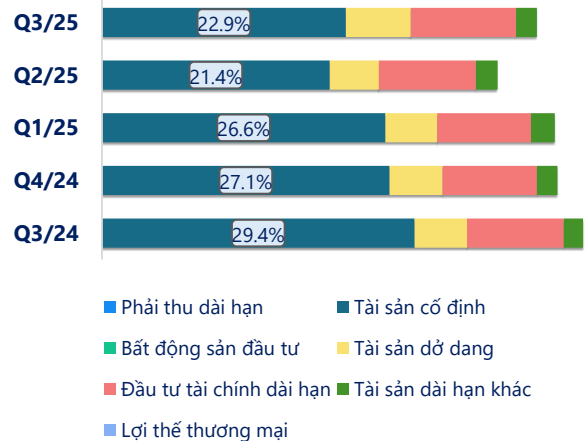
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

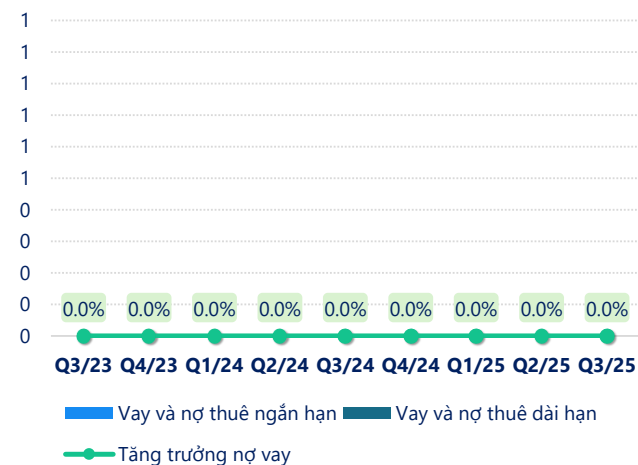
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

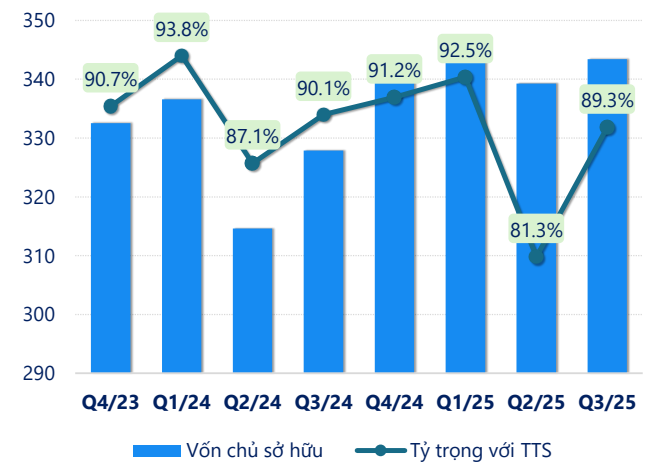
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

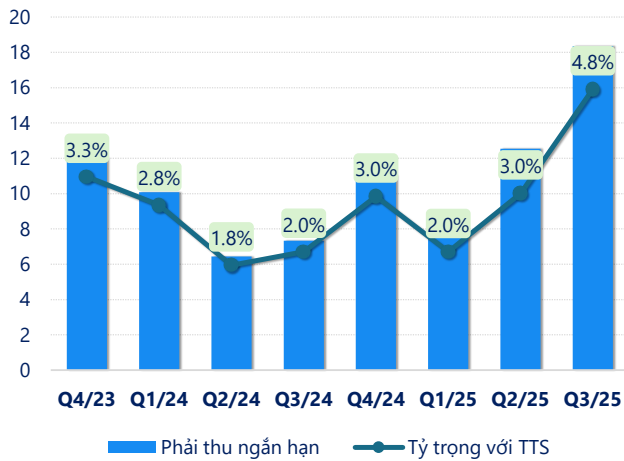
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



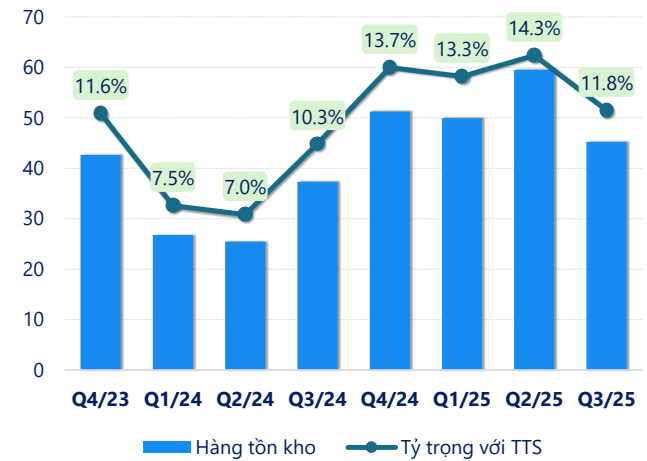
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


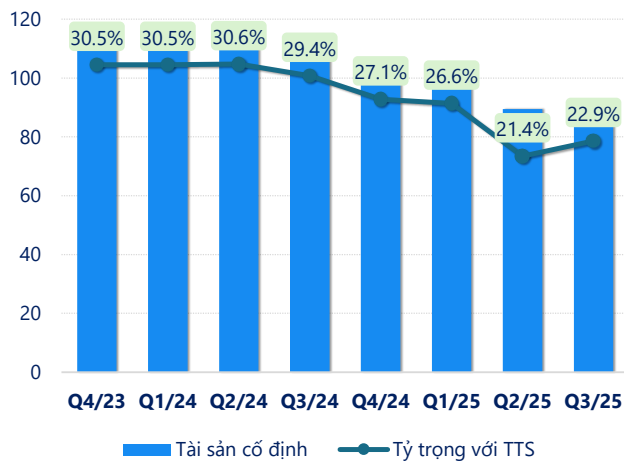
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


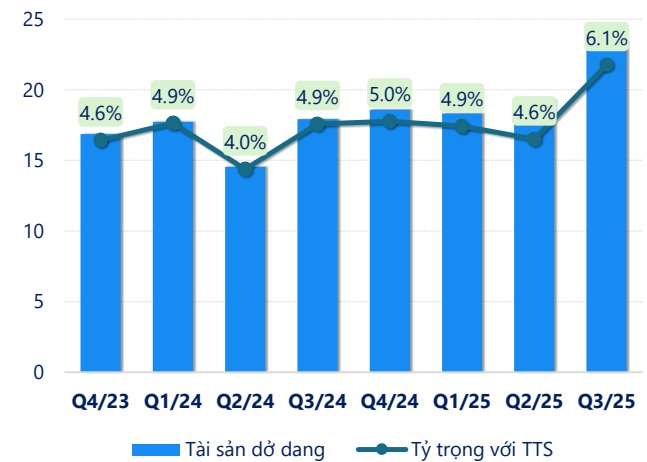
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

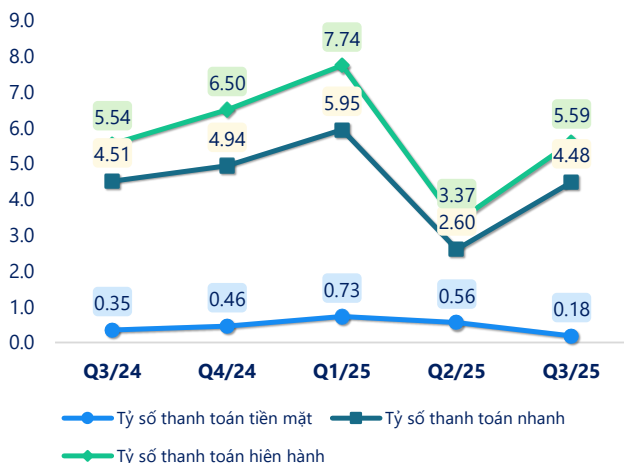
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

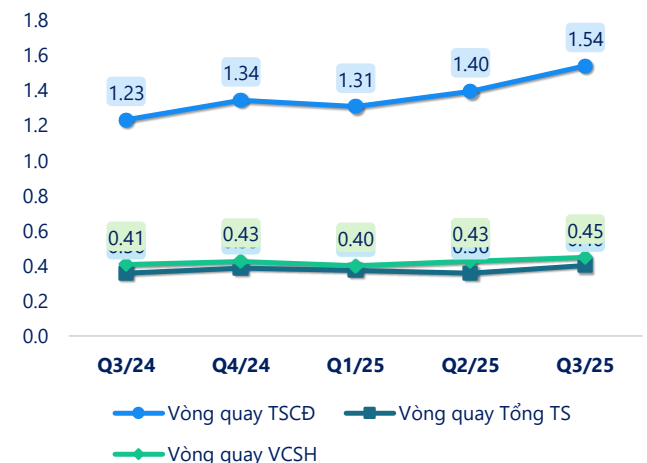
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	364	374	376	417	384
Tài sản ngắn hạn	199	214	216	262	227
Tiền và tương đương tiền	12.6	15.1	20.3	43.6	7.43
Đầu tư tài chính ngắn hạn	136	136	136	141	149
Phải thu ngắn hạn	7.33	11.0	7.55	12.5	18.4
Hàng tồn kho	37.3	51.3	50.0	59.5	45.2
Tài sản ngắn hạn khác	5.80	0.18	1.75	5.45	7.11
Tài sản dài hạn	165	160	160	155	157
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	107	101	100	89.4	88.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	17.9	18.6	18.3	19.3	23.4
Đầu tư tài chính dài hạn	33.1	33.1	33.1	38.1	38.1
Tài sản dài hạn khác	6.64	7.30	8.38	8.49	7.48
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	35.9	32.9	28.2	78.2	41.0
Nợ ngắn hạn	35.9	32.9	27.9	77.8	40.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.42	3.01	3.62	10.3	3.01
Nợ dài hạn	0	0	0.39	0.39	0.39
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	328	341	347	339	343
Vốn chủ sở hữu	328	341	347	339	343
Vốn điều lệ	193	193	193	193	193
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)